

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 18-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Thanh Tiến.

Ông Trần Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng T, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị M (Tên thường gọi: Hà), sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thu T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:

Vào năm 2021, bà Huỳnh Thị M có tham gia 01 dây hui do chị T làm đầu thảo. Cụ thể, hui mở ngày 30/01/2021 (âm lịch), loại hui 3.000.000 đồng/tháng, hui

gồm 30 phần và 27 hội viên. Bà M tham gia 01 phần. Bà M đóng được 02 kỳ hội, đến kỳ thứ ba, bà M hết hội. Tổng số tiền hội của kỳ thứ ba là 54.330.000 đồng, trừ đi tiền hoa hồng cho đầu thảo 1.500.000 đồng, chị T đã giao và bà M đã nhận số tiền 52.830.000 đồng. Sau khi hết hội, bà M phải có nghĩa vụ đóng tiền hội chết trong 27 kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà M chỉ đóng được 12 kỳ đến 30/4/2022 (âm lịch), còn nợ lại 15 kỳ hội chết với số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*). Do bà M vi phạm nghĩa vụ đóng hội chết và hội đã mãn vào ngày 30/5/2023 (âm lịch) nên chị T chỉ yêu cầu bà M trả tiền hội theo định kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

Theo Biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà M không tham hội bất kỳ dây hội nào do chị T làm đầu thảo và không nhận tiền hội từ chị T. Bà M thừa nhận bà có ký tên và ghi họ tên vào Giấy giao nhận hội ngày 17/5/2021 do chị T cung cấp. Tuy nhiên, việc bà M ký tên vào giấy này là do con gái bà – chị Nguyễn Thu T1 nhờ ký tên để chị T1 hết hội từ chị T. Chị T1 là người tham gia hội với chị T nên thông tin dây hội, số tiền hội bà M không biết. Tuy nhiên, nay chị T khởi kiện bà M, do bà M đã ký tên vào giấy giao nhận hội nên bà M đồng ý trả cho chị T số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), nhưng xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi dứt nợ do hoàn cảnh khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thu T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền hội yêu cầu bà M phải thanh toán. Bị đơn, bà M giữ nguyên ý kiến trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T1 vắng mặt không lý do. Ngoài ra, chị T và bà M thỏa thuận được phương án trả tiền, cụ thể: Trong năm 2024 và năm 2025, hàng tháng bà M trả cho chị T số tiền 500.000 đồng; Trong năm 2026 và năm 2027, hàng tháng bà M trả cho chị T số tiền 1.500.000 đồng, cho đến khi dứt nợ; Toàn bộ đều thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện lần đầu vào tháng 3 năm 2024.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của chị T và bà M về cách thức thực hiện việc trả tiền theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T: Chị T yêu cầu bà Huỳnh Thị M trả số tiền hui còn nợ là 45.000.000 đồng, xuất phát từ giao dịch hui đây hui mở ngày 30/01/2021 âm lịch, loại hui 3.000.000 đồng/tháng, gồm 30 phần và 27 hui viên do chị T làm đầu thảo. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã giao nộp bản chính 01 văn bản ghi ngày 17/5/2021 có tiêu đề “Giấy giao nhận hui”. Bà M thừa nhận có ký tên và ghi họ tên “Huỳnh Thị M” vào trong văn bản này, bên dưới mục “Người chơi hui đã nhận đủ tiền hót hui”. Bên cạnh đó, bà M đồng ý trả cho chị T số tiền 45.000.000 đồng như chị T yêu cầu. Do đó, việc chị T khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền hui còn nợ là 45.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biếu, phường.

[3] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa, chị T và bà M đã thoả thuận được về thời gian thực hiện việc thanh toán tiền hui nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cụ thể, trong năm 2024 và năm 2025, hàng tháng bà M trả cho chị T số tiền 500.000 đồng; trong năm 2026 và năm 2027, hàng tháng bà M trả cho chị T số tiền 1.500.000 đồng, cho đến khi dứt nợ; toàn bộ đều thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện lần đầu vào tháng 3 năm 2024

[4] Về quyền lợi, nghĩa vụ của chị Nguyễn Thu T1: Bà M cho rằng chị T1 là người tham gia hui với chị T nhưng bà M không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày này, trong khi chị T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và chưa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Mặt khác, chị T chỉ khởi kiện bà M, bà M đồng ý trả tiền hui cho chị T, do đó Hội đồng xét xử không buộc chị T1 có nghĩa vụ trả tiền cùng bà M. Nếu sau này giữa chị T1 và bà M phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân

sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà M là người cao tuổi, mặc dù không có đơn nhưng tại phiên toà bà M có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà, do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà M.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Ghi nhận sự thoả thuận giữa bà Nguyễn Hồng T và bà Huỳnh Thị M, bà M có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*), thời gian thực hiện cụ thể như sau:

Trong năm 2024 và năm 2025, hàng tháng bà M trả cho chị T số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*);

Trong năm 2026 và năm 2027, hàng tháng bà M trả cho chị T số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), cho đến khi dứt nợ;

Toàn bộ đều thực hiện vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện lần trả tiền đầu tiên vào tháng 3 năm 2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.125.000 đồng (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0008681 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

Bà Huỳnh Thị M được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thu T1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm